

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 01 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình  
Hạ tầng kỹ thuật dân cư khu vực thôn 6, xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 7898/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư tại thôn 6, xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 01/TĐ-KTHT ngày 04/01/2021 và UBND xã Thọ Tiến tại Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 04/12/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hạ tầng kỹ thuật dân cư khu vực thôn 6 xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Hạ tầng kỹ thuật dân cư khu vực thôn 6 xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

**3. Địa điểm xây dựng:** Xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**4. Chủ đầu tư:** UBND xã Thọ Tiến.

## 5. Giải pháp thiết kế:

### 5.1. Tuyến 1:

a) Rãnh thoát nước: có chiều dài  $L=141,5\text{m}$ , mặt cắt ngang rãnh hình chữ nhật kích thước  $b \times h=0,4 \times 0,6\text{m}$ . Kết cấu rãnh như sau: đáy rãnh BTXM M200, đá 1x2 dày 10cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thành rãnh xây gạch bê tông VXM M50 dày 22cm, trát thành rãnh VXM M75; Theo chiều dọc rãnh cứ 10m cắt 01 khe co giãn bằng giấy dầu tấm nhựa đường và bố trí 05 thành giằng bằng BTCT M250 đá 1x2 tiết diện  $10 \times 12\text{cm}$ ; đắp đất rãnh độ chặt  $K=0,90$ .

b) Cổng qua đường: trên tuyến bố cổng qua đường tại  $K0+109$  dài 6,0m, mặt cắt ngang cổng hình chữ nhật kích thước  $b \times h=0,4 \times 0,6\text{m}$ . Kết cấu cổng: đáy cổng BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm, thành cổng xây gạch bê tông VXM M50 dày 22cm, trát thành rãnh VXM M75, tấm đan cổng BTCT đá 1x2 M200 kích thước  $0,9 \times 1,0\text{m}$  dày 20cm.

### 5.2. Tuyến 2:

a) Đường giao thông:

Tổng chiều dài tuyến  $L=36,05\text{m}$ , bề rộng nền đường  $B_n=5,5\text{m}$ , bề rộng mặt đường  $B_m=4,5\text{m}$ , bề rộng lề đường  $B_l=0,5 \times 2=1,0\text{m}$ . Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau: mặt đường BTXM M250 đá 1x2 dày 20cm, cấp phối đá dăm loại II dày 20cm, đất đắp đầm chặt K95. Lề đường đắp đất K90.

b) Rãnh thoát nước:

Rãnh thoát nước bên trái tuyến dài  $L=25,0\text{m}$ , mặt cắt ngang rãnh hình chữ nhật kích thước  $b \times h=0,4 \times 1,0\text{m}$ . Kết cấu rãnh như sau: đáy rãnh BTXM M200, đá 1x2 dày 10cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thành rãnh xây gạch bê tông VXM M50 dày 22cm, trát thành rãnh VXM M75, cứ 10m cắt 01 khe co giãn bằng giấy dầu tấm nhựa đường và bố trí 05 thành giằng bằng BTCT M250 đá 1x2 tiết diện  $10 \times 12\text{cm}$ .

### 5.3. Tuyến 3:

Rãnh thoát nước có chiều dài  $L=25,0\text{m}$ , mặt cắt ngang rãnh hình chữ nhật kích thước  $b \times h=0,4 \times 0,6\text{m}$ . Kết cấu rãnh như sau: đáy rãnh BTXM M200, đá 1x2 dày 10cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thành rãnh xây gạch bê tông VXM M50 dày 22cm, trát thành rãnh VXM M75; Theo chiều dọc rãnh cứ 10m cắt 01 khe co giãn bằng giấy dầu tấm nhựa đường và bố trí 05 thành giằng bằng BTCT M250 đá 1x2 tiết diện  $10 \times 12\text{cm}$ ; đắp đất rãnh độ chặt  $K=0,90$ .

### 5.4. Tuyến 4:

a) Đường giao thông:

Tổng chiều dài tuyến  $L=147,5\text{m}$ , bề rộng mặt đường mở rộng  $B_m=0,995\text{m}$ , kết cấu bằng đất đắp độ chặt K95.

b) Rãnh thoát nước:

Rãnh thoát nước có chiều dài  $L=141,5\text{m}$  bố trí bên phải tuyến đường, mặt cắt ngang rãnh hình chữ nhật kích thước  $b \times h=0,5 \times 0,8\text{m}$ . Kết cấu rãnh như sau: đáy rãnh BTXM M200, đá 1x2 dày 10cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thành rãnh xây gạch bê tông VXM M50 dày 22cm, trát thành rãnh VXM M75; Theo

chiều dọc rãnh cứ 10m cắt 01 khe co giãn bằng giấy dầu tấm nhựa đường và bố trí 05 thanh giằng bằng BTCT M250 đá 1x2 tiết diện 10x12cm.

c) Cống qua đường:

Trên tuyến bố cống qua đường tại K0+ 109 dài 6,0m, mặt cắt ngang cống hình chữ nhật kích thước  $b \times h = 0,4 \times 0,6$ m. Kết cấu cống: đáy cống BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm, thành cống xây gạch bê tông VXM M50 dày 22cm, trát thành rãnh VXM M75, tấm đan cống BTCT đá 1x2 M200 kích thước 0,9x1,0m dày 20cm.

**6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

**6.1. Giá trị dự toán: 834.350.000đ.**

(Tám trăm ba mươi tư triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	694.162.000 đ
- Chi phí QLDA	13.949.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	72.455.000 đ
- Chi phí khác	14.053.000 đ
- Chi phí dự phòng	39.731.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

**6.2. Nguồn vốn:** Nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch điểm dân cư tại thôn 6, xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn.

**7. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**8. Thời gian thực hiện:** Năm 2020 - 2021.

**Điều 2.** Giao UBND xã Thọ Tiến (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc huyện; Chủ tịch UBND xã Thọ Tiến và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Huy Dũng**

## DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ KHU VỰC THÔN 6,  
XÃ THỌ TIẾN, HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>631.056.301</b>	<b>63.105.630</b>	<b>694.161.931</b>
1	Tuyến số 1	132.734.651	13.273.465	146.006.000
2	Tuyến số 2	118.381.720	11.838.172	130.321.000
3	Tuyến số 3	21.190.430	2.119.043	23.309.000
4	Tuyến số 4	358.749.500	35.874.950	394.624.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>13.948.868</b>		<b>13.948.868</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TVĐTXD</b>	<b>65.868.255</b>	<b>6.586.826</b>	<b>72.455.081</b>
1	Khảo sát	13.074.085	1.307.409	14.381.494
2	Lập Báo cáo KT-KT	36.601.265	3.660.127	40.261.392
3	Giám sát thi công xây dựng	16.192.905	1.619.290	17.812.195
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>13.290.112</b>	<b>762.834</b>	<b>14.052.946</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	158.526		158.526
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	3.238.581		3.238.581
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.264.664		2.264.664
4	Kiểm toán	7.628.341	762.834	8.391.175
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>36.208.177</b>	<b>3.522.764</b>	<b>39.730.941</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>760.371.713</b>	<b>73.978.054</b>	<b>834.349.767</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>834.350.000</b>

***Bằng chữ: Tám trăm ba mươi tư triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng./.***